

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/DS-ST

Ngày 28/6/2024

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văng Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Quang Tú - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 619/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trang T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số A, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị M, sinh năm: 1985, theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2023 (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số I, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* 1. Ông Huỳnh Chí M1, sinh năm: 1985 (Vắng mặt);

2. Bà Lê Thị Phương H, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F, đường số C, khu dân cư T, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2023 và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang T trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 22/01/2020, bà Nguyễn Thị Trang T cho vợ chồng ông Huỳnh Chí M1, bà Lê Thị Phương H vay số tiền 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 22 hàng tháng.

Trong thời gian vay, ông M1 và bà H đã trả cho bà T số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Số tiền gốc ông M1 và bà H còn nợ bà T là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông M1, bà H trả lại cho bà số tiền vay nhưng ông M1, bà H không thực hiện. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Chí M1 và bà Lê Thị Phương H trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 Thù số tiền vay còn nợ là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 22/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1%/tháng.

Bị đơn ông Huỳnh Chí M1 và bà Lê Thị Phương H đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền vay 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền vay là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Về tiền lãi, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Chí M1 và bà Lê Thị Phương H trả lại cho bà số tiền vay 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng

vay tiền ngày 22/01/2020. Đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Huỳnh Chí M1 và bà Lê Thị Phương H cư trú tại số F, đường số C, khu dân cư T, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa*: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng có xác định thời hạn. Do vậy, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày kết thúc thời hạn vay (Ngày 20/3/2020). Đến ngày 14/7/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định chung.

[4] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Theo đơn khởi kiện 14/7/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang T yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Chí M1 và bà Lê Thị Phương H trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ tháng 22/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giảm về số tiền yêu cầu bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng), nhận thấy, việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được thể hiện thông qua “Hợp đồng vay tiền” ngày 22/01/2020; Hợp đồng được công chứng ngày 22/01/2020 tại văn phòng C, theo số công chứng 314, quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD.

Theo nội dung hợp đồng thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trang T cho bị đơn ông Huỳnh Chí M1 và bà Lê Thị Phương H vay số tiền 4.500.000.000 đồng

(Bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay tính từ ngày ký hợp đồng (Ngày 22/01/2020) đến hết ngày 20/3/2020. Thời hạn trả nợ như sau: Lần 1: Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền từ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) đến 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) vào ngày 20/02/2020; Lần 2: Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn lại vào ngày 20/03/2020. Về lãi suất cho vay, do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của **Ngân hàng N.**

Xét thấy hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được công chứng theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thừa nhận trong thời gian vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), số tiền bị đơn còn nợ lại nguyên đơn là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Đây là các tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) là có căn cứ.

[4.2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Trang T.**

Buộc bà ông **Huỳnh Chí M1** và bà **Lê Thị Phương H** phải trả cho bà **Nguyễn Thị T1** Thù số tiền **3.200.000.000 đồng** (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Huỳnh Chí M1** và bà **Lê Thị Phương H** phải chịu 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng).

Bà **Nguyễn Thị Trang T** được nhận lại 56.272.000 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0000238 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.CT;
- VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến